| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số 1179/2017/KDTM-PT
Ngày 19-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Dũng

*Các thẩm phán:* Ông Đỗ Đức Vân Hồng

Bà Nguyễn Thị Trinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Ngọc Thy Thơ - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Nguyễn Thị Én - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 tháng 12 năm 2017 và ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/KDTMPT ngày 13 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán hàng hóa*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2017/KDTM-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2468/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty TNHH TBS
Địa chỉ: 153 TTT, Phường THĐ, thành phố TB, tỉnh TB

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông PVP, trú tại 109/23 LQH, Phường 12, Quận 4, Thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 01/10/2015) (có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư PVV của Công ty Luật TNHH Một thành viên CA thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt ngày 14/12/2017, vắng mặt ngày 19/12/2017)

**Bị đơn:** Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN
Địa chỉ: Số 4, Quốc lộ 1A, phường BHH B, quận BT, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông LKT, trú tại 818/23A1 XVNT, Phường 25, quận BT, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 19/GUQ-Cty ngày 08/8/2017) (có mặt)

**Người kháng cáo:** Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2015, các Bản tự khai ngày 23/6/2016 ngày 11/7/2016, Biên bản phiên họp ngày 11/7/2016, Biên bản hòa giải ngày 11/7/2016, nguyên đơn là Công ty TNHH TBS (gọi tắt là Công ty TBSr) trình bày là vào tháng 5 năm 2013 Công ty TBSr mua bán với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN (gọi tắt là Công ty HN) mặt hàng kính dùng trong xây dựng theo đặt hàng qua điện thoại. Sau nhiều lần giao dịch, Công ty HN không trả đủ tiền cho Công ty TBSr mặc dù được nhắc nhở nhiều lần. Ngày 05/12/2013, Công ty HN do ông TVR là đại diện theo pháp luật có gửi cho Công ty TBSr văn bản về việc xác định nợ và thời hạn thanh toán, cụ thể:

- Phần công nợ phát sinh từ 01/10/2013 đến 05/12/2013 với số tiền là 144.850.000 đồng sẽ thanh toán trong tháng 12 năm 2013;

- Từ tháng 12 năm 2013 trở về sau, phần công nợ phát sinh trước tháng 10/2013 số tiền là 1.441.514.000 đồng, mỗi tháng sẽ thanh toán 70.000.000 đồng và nhiều hơn nếu có thể. Nếu có thỏa thuận khác đối với khoản nợ cũ này giữa ông NNN (đại diện pháp luật cũ của Công ty HN) và Công ty TBSr thì hai bên sẽ tự làm việc với nhau.

- Phần công nợ phát sinh mới bắt đầu từ thời điểm này, Công ty HN sẽ thanh toán ngay sau khi nhận hàng.

Như vậy tổng số tiền mà Công ty HN nợ Công ty TBSr theo văn bản chốt công nợ nêu trên tính đến ngày 05/12/2013 là: 144.850.000 đồng + 1.441.514.000 đồng = 1.586.364.000 đồng.

Ngày 11/12/2013, ông LDP và ông NNN có lập một Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ với nội dung là cùng xác nhận số nợ trước tháng 10/2013 là 1.441.514.000 đồng. Công ty HN sẽ thanh toán 70.000.000 đồng mỗi tháng và ông Nphải có trách nhiệm thanh toán thêm 30.000.000 đồng mỗi tháng tính từ tháng 12/2013 để trừ dần số nợ cũ nêu trên, đồng thời ông N phải thanh toán lãi hàng tháng với mức lãi suất 1%/tháng và được tính trên số dư nợ giảm dần. Thời gian áp dụng từ ngày 01/01/2014 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tuy nhiên từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 6 năm 2014, Công ty HN chỉ trả cho Công ty TBSr số tiền như sau:

- Ngày 06/01/2014 trả 144.850.000 đồng

- Ngày 13/01/2014 trả 7.634.000 đồng

- Ngày 20/01/2014 trả 20.000.000 đồng

- Ngày 20/02/2014 trả 31.903.000 đồng

- Ngày 31/3/2014 trả 18.098.000 đồng

- Ngày 13/5/2014 trả 51.902.000 đồng

- Ngày 23/6/2014 trả 601.482.342 đồng.

Từ tháng 7 năm 2014 trở đi, Công ty HN không thanh toán nữa nên Công ty TBSr đã khởi kiện đến Tòa án với yêu cầu Công ty HN phải thanh toán ngay

cho Công ty TBSr số tiền hàng còn nợ 710.494.658 đồng và nợ lãi theo mức lãi suất 1%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo các Bản tự khai ngày 21/6/2016, Biên bản phiên họp ngày 11/7/2016, Biên bản hòa giải ngày 11/7/2016, bị đơn là Công ty HN có bà LTHV làm đại diện theo ủy quyền trình bày là trước đây người đại diện theo pháp luật của Công ty HN là ông NNN , nay đã nhượng lại công ty này cho ông TVR , ông R là người đại diện theo pháp luật. Khi nhận công ty, Công ty HN có khoản nợ đối với Công ty TBSr số tiền hàng 1.586.364.000 đồng. Ngày 05/12/2013, Công ty HN do ông TVR làm đại diện có văn bản gửi cho Công ty TBSr với nội dung xác nhận nợ và cam kết trả cho Công ty TBSr mỗi tháng 70.000.000 đồng. Từ ngày 06/01/2014 đến ngày 13/5/2014, Công ty HN đã trả cho Công ty TBSr số tiền 274.387.000 đồng như trình bày của Công ty TBSr. Như vậy, Công ty HN còn nợ Công ty TBSr tiền hàng là 1.311.977.000 đồng.

Tháng 6 năm 2014, Công ty TBSr có thỏa thuận bán cho Công ty HN một lô kính với giá rẻ hơn thị trường theo Hợp đồng số 010614/HĐKT/14 ngày 23/6/2014 (bản fax). Đồng thời, cùng ngày Công ty HN có chuyển cho Công ty TBSr số tiền 601.482.342 đồng để thực hiện hợp đồng nêu trên. Sau khi chuyển tiền, Công ty HN không liên lạc được và Công ty TBSr không giao hàng cho Công ty HN. Tháng 01 năm 2015, Công ty TBSr yêu cầu Công ty HN thanh toán tiền hàng còn nợ nêu trên, nhưng Công ty HN chỉ đồng ý thanh toán sau khi Công ty TBSr thực hiện nghĩa vụ giao hàng như đã thỏa thuận với Công ty HN.

Công ty HN không đồng ý với yêu cầu của Công ty TBSr về việc thanh toán nợ tiền hàng và lãi. Công ty HN không đồng ý cấn trừ số tiền 601.482. 342 đồng vì đây là tiền hàng mà Công ty HN thanh toán trước cho Hợp đồng số 010614/HĐKT/14 ngày 23/6/2014 mà không phải thanh toán nợ cũ.

Công ty HN chỉ thanh toán cho Công ty TBSr nợ tiền hàng 1.311.977.000 đồng khi mà Công ty TBSr thực hiện nghĩa vụ giao hàng cho Công ty HN theo Hợp đồng số 010614/HĐKT/14 ngày 23/6/2014. Tranh chấp Hợp đồng số 010614/HĐKT/14 ngày 23/6/2014, Công ty HN sẽ khởi kiện Công ty TBSr trong vụ án dân sự khác và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Công ty HN thanh toán nợ tiền hàng còn lại là 710.494.658 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2014 đến 25/7/2017 theo mức lãi suất 9,75%/năm là 276.477.000 đồng (theo bảng kê tính lãi). Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố, cụ thể yêu cầu hủy Hợp đồng số 010614/HĐKT/14 ngày 23/6/2014 do bị lừa dối và vì bị lừa dối nên yêu cầu Công ty TBSr phải hoàn trả lại số tiền 601.482. 342 đồng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của Công ty TBSr về việc tính lãi trên số tiền cũ chậm trả và yêu cầu Tòa án triệu tập ông NNN tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan do ông Nlà người cam kết thanh toán lãi. Ngoài ra, vào ngày 20/02/2014 bị đơn đã thanh toán cho Công ty TBSr số tiền nợ 50.000.000 đồng không phải 31.903.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày là sau khi nhận được Văn bản ngày 05/12/2013 của Công ty HN, ông LDP với tư cách cá nhân (không có đóng dấu của công ty) và ông NNN có ký Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013. Đây là văn bản mang tính chất cá nhân giữa ông Nvà ông P vì lúc này ông Nkhông còn là người đại diện theo pháp luật của Công ty HN. Nguyên đơn không có yêu cầu đưa ông NNN tham gia tố tụng trong vụ án này vì khoản nợ đã được các bên xác định chính xác, không có mâu thuẫn. Công ty HN vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng thì phải chịu lãi quá hạn, nguyên đơn tính lãi không phải theo biên bản này mà theo quy định của pháp luật. Công ty HN cho rằng, ngày 20/02/2014 Công ty HN thanh toán cho nguyên đơn 50.000.000 đồng không phải 31.903.000 đồng là không đúng vì sau khi chốt khoản nợ theo Văn bản ngày 05/12/2013 thì hai bên vẫn tiếp tục mua bán hàng hóa với nhau nên khi Công ty HN thanh toán 50.000.000 đồng thì có trừ lại tiền hàng đã mua trước đó là 18.097.530 đồng. Ngoài ra, tại Biên bản hòa giải ngày 11/7/2016 bà LTHV đều xác nhận các đợt đã thanh toán nợ từ ngày 06/01/2014 đến ngày 13/5/2014. Căn cứ chứng cứ và sự xác nhận của hai bên, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty HN phải thanh toán nợ tiền hàng còn lại là 710.494.658 đồng và lãi từ ngày 01/01/2014 đến ngày 25/7/2017 theo mức lãi suất 9,75%/năm, số tiền được tính là 276.477.000 đồng. Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2017/KDTM-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã quyết định:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty HN phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TBSr số tiền còn nợ là 986.971.658 đồng, trong đó nợ tiền hàng 710.494.658 đồng và lãi 276.477.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TBSr, nếu Công ty HN không chịu thanh toán số tiền nói trên thì Công ty HN còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/- Về án phí:

Công ty HN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.609.150 đồng.

Công ty TBSr không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Công ty TBSr tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.598.258 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006360 ngày 21/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Công ty HN đã có yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, nội dung bản án không phù hợp quy định của pháp luật cũng như thỏa thuận giữa các bên, gây thiệt hại đến quyền lợi của Công ty HN.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 67/2017/KDTM-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật.

- Trước đây, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nay bị đơn rút một phần kháng cáo, cụ thể là rút việc xem xét phần phản tố nghĩa là không còn yêu cầu tách khoản tiền 601.482.342 đồng và bồi thường thiệt hại mà bị đơn đồng ý dùng khoản tiền 601.482.342 đồng này để trừ nợ. Còn những phần kháng cáo khác vẫn giữ nguyên do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, nội dung bản án không phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thỏa thuận giữa các bên, gây thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn, cụ thể:

+ Về thủ tục tố tung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các ông NNN (đại diện pháp luật cũ của Công ty HN), LDP (giám đốc chi nhánh Công ty TBSr) vào tham gia tố tụng do ông N có thỏa thuận trả lãi cho Công ty TBSr với mức lãi suất 1%/tháng trên dư nợ giảm dần, trong khi đó bị đơn không có cam kết trả lãi theo Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013 ký giữa ông N và ông P. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông N tham gia tố tụng dẫn đến việc không làm rõ cam kết trả lãi của ông Nđối với Công ty TBSr.

+ Về nội dung: Theo Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013 nêu trên và Văn bản ngày 20/01/2015 của Công ty TBSr thì bị đơn không phải chịu lãi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên bị đơn phải trả lãi cho Công ty TBSr là trái với thỏa thuận của ông N đối với Công ty TBSr.

Do vi phạm về tố tụng cũng như về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, nếu không thì sửa bản án sơ thẩm phải căn cứ vào các Văn bản ngày 05/12/2013 của bị đơn, Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013 và Văn bản ngày 20/01/2015 của Công ty TBSr mà giải quyết, trên cơ sở này bị đơn chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TBSr các khoản như sau:

+ Phần nợ phát sinh từ ngày 01/10/2013 đến ngày 05/12/2013 là 144.850.000 đồng tiền hàng và 05 ngày nợ lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 1%/tháng (bị đơn tự nguyện chịu mức lãi suất 1%/tháng). Số nợ lãi được tính 144.850.000 đồng * 1%/tháng * 05 ngày = 241.417 đồng,

+ Phần nợ còn lại phát sinh trước tháng 10 năm 2013 là 1.441.514.000 đồng thì từ tháng 12 năm 2013 trở về sau mỗi tháng bị đơn thanh toán 70.000.000 đồng, ông Nthanh toán 30.000.000 đồng, nghĩa là bị đơn chỉ thanh toán 1.009.059.800 đồng = 1.441.514.000 đồng * 70%. Bị đơn không phải chịu

lãi của số tiền nợ 1.009.059.800 đồng mà ông N phải chịu lãi toàn bộ của số tiền nợ 1.441.514.000 đồng.

Tính đến ngày 24/6/2014, tổng nợ tiền hàng và lãi của hai phần nợ nêu trên mà bị đơn phải chịu là 1.154.151.217 đồng = 144.850.000 đồng + 241.417 đồng + 1.009.059.800 đồng.

Từ ngày 06/01/2014 đến ngày 23/6/2014, bị đơn đã trả nợ được tất cả là 875.869.342 đồng. Vậy, bị đơn chỉ còn nợ 278.281.875 đồng = 1.154.151.217 đồng - 875.869.342 đồng.

- Ý kiến phát biểu thêm của luật sư của nguyên đơn:

+ Nguyên đơn không khởi kiện ông N, còn ông P là giám đốc chi nhánh Công ty TBSr không phải là đại diện theo pháp luật Công ty TBSr, cả hai ông N và ông P có ký kết Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013 là giữa cá nhân hai ông không liên quan trong vụ án này, nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa hai ông N và P tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

+ Tại Biên bản hòa giải ngày 23/6/2016, Công ty HN xác định không có yêu cầu phản tố mà xác định tranh chấp Hợp đồng số 010614/HĐKT/14 ngày 23/6/2014 thì công ty đang khởi kiện nguyên đơn trong một vụ kiện khác.

+ Nguyên đơn khởi kiện Công ty HN dựa trên xác nhận nợ được thể hiện trong Văn bản ngày 05/12/2013 của Công ty HN. Số nợ tiền hàng còn lại là 710.494.658 đồng mà nguyên đơn yêu cầu đúng với nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Việc áp dụng mức lãi suất và tính nợ lãi, nguyên đơn căn cứ vào Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước, Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Do đó, kháng cáo của Công ty HN là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty HN mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định. Bị đơn rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu tách số tiền 601.482.342 đồng mà bị đơn đã chuyển để mua kính ra khỏi vụ án này, nghĩa là đồng ý dùng số tiền nêu trên để trừ vào nợ trong vụ án này. Theo Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013 các bên đã thỏa thuận là bị đơn chịu thanh toán cho nguyên đơn nợ cũ 70.000.000 đồng, còn ông Nchịu thanh toán cho nguyên đơn nợ cũ 30.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất 1%/tháng trên số tiền nợ 1.441.514.000 đồng. Việc xác định nợ nêu trên đã được nguyên đơn khẳng định lại trong Văn bản ngày 20/01/2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mà sửa bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào việc nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện. Hai bên cũng không thỏa thuận giải quyết vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung kháng cáo của bị đơn như sau:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của nguyên đơn gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định. Việc bị đơn rút một phần kháng cáo, cụ thể là rút phần phản tố không còn yêu cầu tách khoản tiền 601.482.342 đồng và bồi thường thiệt hại mà bị đơn đồng ý dùng khoản tiền 601.482.342 đồng này để trừ nợ thì Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự tự nguyện nêu trên. Còn những phần kháng cáo khác vẫn giữ nguyên, cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các ông NNN và ông LDP tham gia tố tụng và chỉ căn cứ vào Văn bản ngày 05/12/2013 của Công ty HN giải quyết là sai do thỏa thuận giải quyết nợ giữa các bên vẫn còn tiếp diễn, đó là các bên còn có Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013. Trong biên bản này đã thể hiện rõ trách nhiệm của bị đơn, ông Nvà được nguyên đơn nhắc nhở lại tại Văn bản ngày 20/01/2015. Như đã nêu trên là do có Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013 và Văn bản ngày 20/01/2015 (xác định rõ trách nhiệm từng cá nhân ông Nam, bị đơn và nguyên đơn) cùng với việc nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện ông Ntrong vụ án này, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần phải đưa ông Nông P tham gia tố tụng.

*[2] Về nội dung:* Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013 được ký giữa đại diện Công ty HN có ông Nvà giám đốc chi nhánh Công ty TBSr có ông P thì có đoạn ghi nhận "Ông Nvới tư cách là người chịu trách nhiệm đối với khoản nợ mua hàng của Công ty HN với Công ty TBSr trước tháng 10/2013 và số tiền nợ được xác nhận với nhau là 1.441.514.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm mười bốn ngàn đồng).

Theo công văn, Công ty HN sẽ thanh toán 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng) mỗi tháng để thanh toán dần số nợ cũ này. Đồng thời bằng biên bản thỏa thuận này, ông N phải có trách nhiệm thanh toán thêm đối với nợ cũ này mỗi tháng 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) tính từ 12/2013.

Số tiền nợ, ông N phải thanh toán lãi hàng tháng với mức lãi suất là 1%/tháng và được tính trên số dư giảm dần. Thời gian áp dụng từ 01/01/2014 cho đến khi thanh toán dứt nợ."

Nội dung về trách nhiệm vừa nêu trên, cá nhân ông N và bị đơn phải thanh toán nợ tiền hàng cho nguyên đơn và ông N còn phải thanh toán tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng trên số dư giảm dần được giám đốc bên nguyên đơn khẳng định lại tại Văn bản ngày 20/01/2015.

Như vậy, nguyên đơn không thể chỉ căn cứ vào Văn bản ngày 05/12/2013 của bị đơn mà còn phải căn cứ vào Biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 11/12/2013 và Văn bản ngày 20/01/2015 để xác định số nợ của bị đơn, trong đó có nợ tiền lãi hay không. Như phân tích nêu trên, bị đơn chỉ chịu lãi trên số nợ không có thỏa thuận là 144.850.000 đồng mà hoàn toàn không chịu

tiền lãi của số tiền nợ 1.441.514.000 đồng. Ông N mới là người phải chịu toàn bộ tiền lãi của số tiền nợ 1.441.514.000 đồng. Do đó, kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm thì Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận do phù hợp với thỏa thuận giữa các bên, đúng với Điều 50 Luật Thương mại 2005. Với cách tính toán nêu trên của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy về mức lãi suất bị đơn tự nguyện chịu mức 12%/năm (tức là 1%/tháng) nên cần ghi nhận do mức lãi suất này vẫn cao hơn mức lãi suất được yêu cầu của nguyên đơn là 9,75%/năm và dưới mức lãi suất cơ bản quá hạn là 9%/năm * 150% = 13,5%, còn cách tính toán số học mà bị đơn diễn giải là đúng, nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số nợ tiền hàng và lãi là 278.281.875 đồng trong đó nợ tiền hàng là 278.040.458 đồng, tiền lãi là 241.417 đồng.

Với ý kiến của luật sư bên nguyên đơn thì như phân tích nêu trên chỉ được chấp nhận một phần về việc không đưa ông Nam, ông P  vào tham gia tố tụng trong vụ án này, còn các phần khác là không có cơ sở để được chấp nhận.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được xác định lại, cụ thể:

- Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn,

- Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận. Số tiền không được chấp nhận là 708.689.783 đồng = 986.971.658 đồng - 278.281.875 đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 ,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án ,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN, sửa bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN có trách nhiệm thanh toán cho

Công ty TNHH TBS số nợ là 278.281.875 *(Hai trăm bảy mươi tám triệu hai trăm tám mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi lăm)* đồng trong đó nợ tiền hàng là 278.040.458 đồng, tiền lãi là 241.417 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH TBS có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/- Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN phải chịu án phí sơ thẩm là 13.914.094 *(Mười ba triệu chín trăm mười bốn ngàn không trăm chín mươi bốn)* đồng.

+ Công ty TNHH TBS phải chịu án phí sơ thẩm là 32.347.591 *(Ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm chín mươi mốt)* đồng. Số tiền án phí này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do Công ty TNHH TBS đã nộp là 20.598.258 đồng theo Biên lai thu số 06360 ngày 21/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Công ty TNHH TBS còn phải nộp thêm 11.749.333 *(Mười một triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm ba mươi ba)* đồng.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả cho Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vật liệu Xây dựng HN số tiền tạm ứng án phí kháng cáo là 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng theo hai Biên lai thu số 0938 ngày 09/8/2017 và số 01005 ngày 05/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận Bình Tân;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VP, HS

**Ngô Văn Dũng**